

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHƠN THÀNH
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 12/2021/HS-ST

Ngày: 29 - 01 - 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƠN THÀNH, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Loan

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Việt Thành

Ông Phạm Xuân Đỉnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Thanh Phương – Thư ký Toà án nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Phước Thành – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 01 năm 2021 tại Toà án nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 123/2020/TLST-HS ngày 20 tháng 10 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2021/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 01 năm 2021 đối với bị cáo:

PHẠM ANH T, sinh năm 1987 tại Hà Tĩnh; tên gọi khác: T cao; Nơi ĐKKHKT: xóm 12, xã Q, huyện K, tỉnh Ninh Bình; Nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Bùi T1 và bà Phạm Thị K1; vợ Trần Thị L; con có 01 người; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo đang chấp hành án tại trại giam Đắc Plao, Tổng cục VIII, Bộ Công An. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại:

1. Anh Lê Văn L1, sinh năm 1980 và chị Lê Thị H, sinh năm 1983; Cùng địa chỉ cư trú: Tổ 9, ấp 3, xã M, huyện C, tỉnh Bình Phước.

2. Anh Lê Văn Đ, sinh năm 1988; Địa chỉ cư trú: Tổ 9, ấp 3, xã M, huyện C, tỉnh Bình Phước. (Có mặt)

3. Cháu Lê Văn K1, sinh năm 2004; Địa chỉ cư trú: Tổ 9, ấp 3, xã M, huyện C, tỉnh Bình Phước.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Văn L1, sinh năm 1980 và bà Lê Thị H , sinh năm 1983; Cùng địa chỉ cư trú: Tổ 9, ấp 3, xã M, huyện C, tỉnh Bình Phước. (Có mặt)

4. Anh Lê T , sinh năm 1988; Địa chỉ cư trú: Thôn 6, xã Đ1, huyện B1, tỉnh Bình Phước. (Xin vắng mặt)

5. Anh Trương Quang G, sinh năm 1991; Địa chỉ cư trú: Thôn 2, xã Đ1, huyện B1, tỉnh Bình Phước. (Xin vắng mặt)

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Chị Phan Thị Trúc A , sinh năm 1987; Địa chỉ cư trú: Thôn 2, xã Đ1, huyện B1, tỉnh Bình Phước. (Xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phạm Quang H1, Trần Văn C2, Phạm Anh T là bạn với nhau; H, C2 đã từng bị Tòa án nhân dân có thẩm quyền xét xử, không nghề nghiệp, sinh sống không có nơi cố định. Do có ý định chiếm đoạt tài sản và bán tài sản do trộm cắp mà có để tiêu xài cá nhân nên Phạm Quang H1, C3 thuê xe ô tô tự lái hiệu Innova, màu sơn bạc, biển kiểm soát: 93A-136.08 và 93A-140.66 tại cơ sở “Phương Trinh” thuộc khu phố P, phường T4, Thành phố Đ2, tỉnh Bình Phước của chị Văn Thị Lệ T làm chủ để làm phương tiện cùng đồng phạm phạm tội; mỗi lần thực hiện tội phạm, H và C2 sử dụng biển số xe giả dán đề lên biển kiểm soát xe ô tô thật để tránh bị cơ quan chức năng phát hiện.

Từ tháng 03 năm 2019 đến tháng 8 năm 2019, tất cả thực hiện nhiều vụ trộm cắp tài sản và tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà trên địa bàn tỉnh Bình Phước, tỉnh Bình Dương và tỉnh Tây Ninh; riêng tại địa bàn tỉnh Bình Phước, Phạm Quang H1, Trần Văn C2 và Phạm Anh T đã thực hiện 02 lần phạm tội, cụ thể như sau:

Lần thứ nhất:

Khoảng 22 giờ 00 phút, ngày 28 tháng 5 năm 2019, H điều khiển xe ô tô từ nhà H đến nhà nghỉ Bờ Hồ thuộc phường Tân Phú, Thành phố Đồng Xoài rước C3. Sau đó, H tiếp tục điều khiển xe ô tô đến quán cà phê (không rõ tên) tại dốc Tà Bè thuộc xã Tiến Hưng, Thành phố Đồng Xoài đón T cùng nhau đi trộm cắp tài sản. Khi chạy đến gần trạm thu phí Tân Lập, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước, T xuống xe ô tô, dùng biển số xe giả (không nhớ số cụ thể) dán đề lên biển kiểm soát thật của xe ô tô. Dán xong cả nhóm chạy đi tìm nhà dân sơ hở trong quản lý tài sản để trộm.

Đến khoảng 04 giờ 00 phút, ngày 29 tháng 5 năm 2019, cả nhóm đi đến quán cà phê nhà anh Lê Văn L1 tại tổ 9, ấp 3, xã M, huyện C không có cổng rào, tắt điện nên cả nhóm dừng xe ô tô vào trộm tài sản. C2 và T đột nhập vào quán của anh Luận còn H đậu xe ô tô đối diện quán cà phê nhà anh Luận C2 giới. C2 mang theo

một roi điện dạng đèn pin, màu đen, T mang theo một khúc gỗ tròn dài khoảng 60cm lén lút đi vào nhà anh Luận. C2 đi trước vào phòng khách lấy được 01 điện thoại Iphone và 01 điện thoại Samsung A7 mang ra xe ô tô đưa cho H cất giữ. C2 tiếp tục quay lại phòng khách đẩy lùi xe mô tô SH Mode, biển kiểm soát: 93B1-253.73 của anh Luận ra khỏi nhà. Sau khi dẫn xe mô tô ra ngoài, do xe có sẵn chìa khóa và nón bảo hiểm nên C2 điều khiển xe mô tô hướng Trung tâm hành chính huyện Chơn Thành về thị xã Bình Long để bán xe mô tô, còn H điều khiển xe ô tô chở T chạy phía sau. Trên đường đi, H điện thoại cho Tô Xuân C4 để hỏi C4 có mua xe mô tô vừa trộm được không thì C4 đồng ý mua và hẹn gặp H ở nghĩa trang thuộc xã Thanh Phú, Thị xã Bình Long. Tại đây, nhóm của H thấy C4 đi cùng một thanh niên (không xác định được lý lịch cá nhân) bằng xe mô tô Exciter màu xanh (không rõ đặc điểm) đứng chờ sẵn, H đồng ý bán xe mô tô với số tiền 14.000.000 đồng, C4 đưa tiền cho H, H chia cho T, C2 mỗi người 4.300.000 đồng còn H giữ 5.400.000 đồng. Mua xe xong, C4 điều khiển xe đến địa bàn huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước bán cho đối tượng tên Phong (chưa rõ lai lịch) được 15.000.000 đồng, C4 thu lợi được 1.000.000 đồng. Còn 02 điện thoại di động, khoảng 03 ngày sau, H mang xuống Thành phố Hồ Chí Minh bán cho đối tượng không rõ lý lịch được 3.000.000 đồng, H chia cho Chuyên, T mỗi người 1.000.000 đồng.

Tại kết luận định giá tài sản số 71/KLĐG-HĐĐGTS, ngày 13 tháng 9 năm 2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Chơn Thành xác định giá trị các tài sản tại thời điểm bị chiếm đoạt: xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại SH Mode, màu sơn trắng – đen, biển kiểm soát: 93B1-253.73 là 60.300.000 đồng; điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, loại 6 Plus, màu sơn vàng là 4.000.000 đồng; điện thoại di động nhãn hiệu Samsung, loại A7, màu sơn đen là 5.600.000 đồng. Tổng giá trị tài sản anh Lê Văn L1 bị chiếm đoạt là 69.900.000 đồng.

Lần thứ hai:

Vào khoảng 23 giờ, ngày 29 tháng 5 năm 2019, H sử dụng xe ô tô đón C2 tại nhà nghỉ thuộc phường Tân Phú, Thành phố Đồng Xoài và đón T tại quán cà phê của T ở dốc “Tà Bể”. Trước khi đi trộm, C2 và T thay biển kiểm soát của xe bằng 01 biển kiểm soát giả mang số tỉnh Bình Dương (không nhớ rõ biển số) và chuẩn bị sẵn kim cộng lực, đèn bin bỏ lên xe. Sau đó, T chở C2 và H đi lòng vòng các tuyến đường trong tỉnh Bình Phước tìm nhà sơ hở để đột nhập vào trộm cắp tài sản.

Đến khoảng 02 giờ, ngày 30 tháng 5 năm 2019 cả nhóm đến thôn 2, xã Đ1, huyện B1 phát hiện Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên gỗ Minh Long Thiên Kim của chị Phan Thị Trúc A làm chủ đã đóng cửa nhưng ở ngoài sân có dựng 01 xe mô tô hiệu Yamaha, loại Exciter, màu trắng - đỏ, biển kiểm soát: 93P2-018.58 của anh Lê T, cả nhóm thống nhất lấy trộm chiếc xe mô tô. H điều khiển xe

ô tô dừng lại trước cổng Công ty, T và C2 xuống xe đi bộ vào dùng tay nhấc cổng qua một bên để có kẻ hở đi vào sân, C2 thấy Trương Văn Giàu là công nhân của Công ty đang ngủ trong phòng kính, có để 01 điện thoại hiệu Vivo kế bên. C2 bước vào lấy điện thoại bỏ vào túi quần, sau đó cùng T đẩy xe mô tô đang để trong sân ra đường, cả nhóm đưa xe mô tô trộm được lên xe ô tô. Sau đó, H điều khiển xe chạy về hướng thành phố Đồng Xoài. Trên đường đi, H gọi và hẹn gặp một người (không xác định được lý lịch) ở nghĩa trang thuộc Thị xã Bình Long. Tại đây, H bán xe mô tô trộm được với giá 15.000.000 đồng, chia cho mỗi người 5.000.000 đồng, còn điện thoại hiệu Vivo trộm được H bán cho một người không rõ lai lịch tại Thành phố Hồ Chí Minh được 1.000.000, H sử dụng.

Tại kết luận định giá số: 70/KL-ĐG ngày 25 tháng 9 năm 2019 của Hội đồng định giá trong Tổ tụng hình sự huyện B1 xác định giá trị của 01 xe mô tô hiệu Yamaha, loại Exciter, biển kiểm soát: 93P2-018.58 của anh Lê T có giá trị 44.590.000 đồng; 01 điện thoại hiệu Vivo, loại 1808 của anh Trương Văn Giàu có giá trị 3.490.000 đồng. Tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 48.080.000 đồng.

Vật chứng vụ án: Đã được giải quyết trong bản án số 61/2020/HSST ngày 09 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

Về trách nhiệm dân sự: Đã được giải quyết trong bản án số 61/2020/HSST ngày 09 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

Bản cáo trạng số 85/CTr-VKS - CT, ngày 07 tháng 8 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước đã truy tố bị cáo Phạm Anh T về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chơn Thành giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Phạm Anh T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*” và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38, 50 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo mức án từ 04 đến 05 năm tù.

Bị cáo Phạm Anh T thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước đã truy tố. Bị cáo không tranh luận chỉ xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Những người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa. Xét thấy, việc vắng mặt người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên căn cứ vào Điều 292 Bộ luật tố tụng Hình sự, Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án.

[3]. Về nội dung:

[3.1]. Xét lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại cũng như phù hợp với các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Vào các ngày 29, 30 tháng 5 năm 2020, Phạm Anh T , cùng với các đồng phạm khác (đã bị xét xử trong vụ án khác) là Phạm Quang H1, Trần Văn C2 đã 01 lần trộm cắp tài sản trên địa bàn huyện Chơn Thành và 01 lần tại huyện B1 với tổng giá trị các tài sản đã chiếm đoạt là 117.980.000 đồng.

Như vậy, đủ căn cứ để xác định: Hành vi của Phạm Anh T đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 2, Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Do đó, Cáo trạng số: 85/CTr-VKS-CT, ngày 07 tháng 8 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước truy tố bị cáo Phạm Anh T về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 2, Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3.2]. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của cá nhân được pháp luật bảo vệ, đồng thời gây mất an ninh trật tự tại địa phương. Bị cáo phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Bị cáo đã đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự và có đầy đủ năng lực nhận thức và điều khiển hành vi của mình nên phải chịu trách nhiệm hình sự.

[4]. Về tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Trong vụ án, Phạm Quang H1, Trần Văn C2 đã được xét xử; xét vai trò Phạm Anh T trong vụ án, là đồng phạm thực tích cực, khi nghe Huy, C2 rủ bị cáo đồng ý cùng thực hiện tội phạm; trong một thời gian ngắn, bị cáo đã cùng các đồng phạm khác thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản, đối tượng mà T cùng đồng bọn

nhằm tới là xe mô tô của những chủ tài sản sơ hở trong việc quản lý; lợi dụng đêm tối T cùng các đồng phạm khác dùng kìm còng lực, van phá khóa, cắt khóa cổng, bẻ khóa xe mô tô, dùng xe ô tô để vận chuyển lên khu vực biên giới để tiêu thụ. Hành vi phạm tội của T cùng các bị cáo khác là liều lĩnh, coi thường pháp luật; do đó bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự tương xứng với hành vi phạm tội của mình.

[4.1]. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Bị cáo phạm tội 02 lần nên chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “phạm tội 02 lần trở lên” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[4.2]. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo có nhân thân chưa tiền án, tiền sự nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Trước khi xét xử, bị cáo đã tự nguyện bồi thường số tiền 2.000.000 đồng cho gia đình anh Lê Văn L1 và Lê Thị H để khắc phục hậu quả, so với hậu quả vật chất của vụ án, số tiền này không đáng kể nhưng do các bên tự nguyện nên ghi nhận.

[5]. Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự quy định “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng*”. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy bị cáo không có nghề nghiệp ổn định. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Từ phân tích trên, thấy cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian dài, nhằm cải tạo giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[6]. Về trách nhiệm dân sự: Đã được giải quyết tại bản án số 61/HSST ngày 09 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành nên không đề cập trong bản án này.

[7]. Về xử lý vật chứng: Đã được giải quyết tại bản án số 61/HSST ngày 09 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành nên không đề cập trong bản án này.

[8]. Án phí hình sự sơ thẩm, dân sự sơ thẩm các bị cáo phải chịu theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Phạm Anh T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.
2. Về hình phạt và điều luật áp dụng:

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173; các điểm g khoản 1 Điều 52; các điểm s khoản 1, 2 Điều 51; các Điều 50, 38, 17 và Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Phạm Anh T 04 (Bốn) năm tù.

Căn cứ Điều 56 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tổng hợp với hình phạt 08 (Tám) năm tù tại bản án hình sự sơ thẩm số 104/2020/HSST ngày 30/9/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương về tội “Trộm cắp tài sản”. Hình phạt chung bị cáo phải chấp hành là 12 (Mười hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 23/3/2020.

3. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ các Điều 584, 585, 587, 589 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ghi nhận sự tự nguyện bồi thường số tiền 2.000.000 đồng của bị cáo với người bị hại Lê Văn L1 và Lê Thị H .

4. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Án phí hình sự sơ thẩm bị cáo phải chịu 200.000 đồng.

4. Quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc nêo yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước
- VKSND tỉnh Bình Phước
- VKSND huyện Chơn Thành;
- CCTHADS huyện Chơn Thành;
- CA huyện Chơn Thành;
- UBND nơi cư trú của bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Đình Loan

